

Số: 99 /KH – THPTNH

Phú Giáo, ngày 18 tháng 7 năm 2016

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Những căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ nghị quyết 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành trung ương 8, khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy Bình Dương về thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế;

Căn cứ kế hoạch số 3641/KH-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thực hiện chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy Bình Dương;

Căn cứ kết quả thực tế phát triển GD-ĐT của nhà trường trong giai đoạn 2011-2015;

Trường THPT Nguyễn Huệ xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020 như sau:

II. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo, xây dựng cơ sở vật chất thiết bị trường học và đầu tư công giai đoạn 5 năm 2011-2015.

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Giáo dục – Đào tạo giai đoạn năm 2011 – 2015

1.1 . Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển giáo dục – đào tạo đã đề ra:

- Quy mô phát triển từ năm học 2011 -2012 đến 2015 -2016
- + Thống kê số lượng lớp/ học sinh/ khối/ năm học.

Năm học	Số lượng lớp	Số học sinh
2011-2012	15	Khối 10: 5 lớp/127hs; Khối 11: 6 lớp/147hs Khối 12: 4 lớp/100hs
2012-2013	15	Khối 10: 6 lớp/165hs; Khối 11: 4 lớp/117hs Khối 12: 5 lớp/141hs
2013-2014	15	Khối 10: 5 lớp/137hs; Khối 11: 6 lớp/140hs Khối 12: 4 lớp/113hs
2014-2015	15	Khối 10: 5 lớp/135hs; Khối 11: 5 lớp/123hs Khối 12: 5 lớp/129hs
2015-2016	15	Khối 10: 6 lớp/179hs; Khối 11: 5 lớp/132hs Khối 12: 4 lớp/121hs

+ Tỷ lệ học sinh (học viên) các lớp đầu cấp tuyển qua từng năm học:

Năm học	2012	2013	2014	2015	2016
Tỉ lệ học sinh TN hàng năm	98%	96.45%	100%	90.69%	Chưa có KQ

+ Tỷ lệ học sinh (học viên) lớp cuối cấp tốt nghiệp hàng năm:

Năm học	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Tỉ lệ học sinh lên lớp hàng năm	95.4%	96.7%	91.3%	98.9%	98.7%

+ Tỷ lệ học sinh (học viên) lên lớp từng năm học:

Năm học	HK				
	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	
2011-2012	57.8%	34.5%	7.7%	0.0%	
2012-2013	64.1%	26.2%	9.2%	0.5%	
2013-2014	76.2%	21.3%	2.5%	0.0%	
2014-2015	85.3%	13.4%	1.3%	0.0%	
2015-2016	83.1%	14.6%	2.1%	0.2%	

Về hành kiểm:

Năm học	Học lực				
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
2011-2012	6.7%	25.9%	62.8%	2.7%	1.9%
2012-2013	9.7%	28.8%	58.2%	1.4%	1.9%
2013-2014	11.8%	31.8%	47.7%	6.1%	2.6%
2014-2015	12.9%	39.5%	46.5%	1.1%	0.0%
2015-2016	11.8%	40.1%	46.8%	0.9%	0.4%

Về học lực:

+ Kết quả chất lượng các mặt giáo dục (học lực, hành kiểm) từng năm học: Tỉnh sau thi lại.

Năm học	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Tỉ lệ học sinh tuyển đầu cấp	75%	75%	75%	75%	75%

+ Tỷ lệ học sinh (học viên) tốt nghiệp trúng tuyển vào đại học, cao đẳng:

Năm học	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Tỷ lệ học sinh trúng tuyển ĐH-CD	36%	40.5%	66.94%	78.4%	Chưa có KQ

– Số lượng học sinh đạt giải thưởng cấp tỉnh, khu vực, quốc gia hàng năm: Từ năm 2012 đến 2016 như sau: Học sinh giỏi cấp tỉnh: 12 (1 giải II, 5 giải III, 6 KK); kết quả các kì thi Olympic Sao Khuê, Hùng biện tiếng Anh, Toán LTV, Vô địch tin học văn phòng: 30 (2 giải III, 28 giải KK).

– Việc tham gia các phong trào (văn nghệ, TDTT...) và các giải thưởng đã đạt được kết quả như sau: Phong trào TDTT: 19 huy chương (7 vàng, 6 bạc, 6 đồng); ngoài ra còn các giải tham gia văn nghệ, hội thao cấp tỉnh.

– Việc thực hiện phong trào xây dựng THPT – HSTC, an ninh trật tự trong nhà trường: Xây dựng trường học an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, nhiều cây xanh, lớp học đủ ánh sáng. Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Thầy cô luôn đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện các chuyên đề, thao giảng, dự giờ, dạy học có ứng dụng CNTT... Có tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể cho học sinh qua đó giúp các em rèn luyện kỹ năng ứng xử hợp lý, kỹ năng sinh hoạt nhóm. Năm 2011 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1; công nhận xuất sắc trong phong trào xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực năm 2012.

– Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phong trào còn gặp những khó khăn như: Một số ít phụ huynh ít quan tâm đến vấn đề học tập của con em, kinh phí thực hiện còn eo hẹp nên một số hoạt động không thể thực hiện được.

1.2 Kết quả về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo thông qua đổi mới giáo dục – đào tạo.

– Việc thực hiện chủ đề qua từng năm học: Luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm thực hiện theo chủ đề các năm học và khẩu hiệu hành động. Lãnh đạo nhà trường đã triển khai nhiệm vụ năm học theo chủ đề của từng năm, cụ thể hóa nhiệm vụ năm học thông qua các kế hoạch thực hiện. Tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như: Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý; tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; quan tâm phát triển đội ngũ giáo viên; tích cực đổi mới phương pháp dạy học...

– Tích cực thực hiện các cuộc vận động “Xây dựng nhà trường thân thiện, học sinh tích cực” cuộc vận động “hai không” cuộc vận động “học tập và theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” cuộc vận động “mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” bằng các hoạt động thiết thực như: Tổ chức các sân chơi cho học sinh, thực hiện nghiên túc kiểm tra thi cử, giáo viên tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn...

– Việc đổi mới phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh: Việc kiểm tra, đánh giá được nhà trường chú trọng thông qua các nội dung: Đối với kiểm tra chung, kiểm tra học kỳ, nhà trường đã chia không quá 25 học sinh/phòng theo khối lớp; thống nhất ma trận đề sau đó xây dựng đề và có kèm đáp án chi tiết. Việc quản lý điểm và các thông tin của học sinh bằng phần mềm giúp nhà trường theo dõi tốt kết quả học tập của các em trong từng thời điểm và việc thống kê, báo cáo kết quả cuối năm học thuận lợi cho cán bộ quản lý và giáo viên.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và trong giảng dạy: Nhà trường lập đặt đường truyền internet ADSL và nối mạng đến tất cả các phòng làm việc của khu hành chính (Phòng học, phòng, phó hiệu trưởng, Văn thư, Đoàn, Thư viện, Thiết bị, Học vụ...) để giáo viên, nhân viên truy cập và tìm các tài liệu phục vụ giảng dạy. Tất cả các phòng học đều được trang bị phòng máy chiếu để giáo viên dạy, thao giảng các tiết có ứng dụng công nghệ thông tin. Giáo viên thao giảng trong đó có tiết sử dụng CNTT. Số tiết UDCNTT trong dạy học của toàn giai đoạn là: 3673 tiết. Kết hợp với Viettel tổ chức cho học sinh khối 12 thi thử đại học khối A và B trên Internet Viettel. Chăm và trao giải cho học sinh có kết quả thi tốt.
- 1.3 Tình hình phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (số lượng, cơ cấu, tình độ...) và chất lượng các hoạt động.**
- Thông kê số lượng đội ngũ đạt được danh hiệu: CSTĐ, bằng khen (cấp tỉnh trở lên), huân chương...

Năm học	CSTĐCS	CSTĐ cấp tỉnh	Bằng khen	Huân chương
2011-2012	7		02	
2012-2013	10			
2013-2014	16	01		
2014-2015	4			
2015-2016	8		0	Đang đề nghị

- Thông kê số lượng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, sáng kiến, kinh nghiệm được ứng dụng tại đơn vị và toàn ngành: SKKN và NCKHSPUD cấp trường: 49 đề tài; cấp tỉnh: 27 đề tài (10B; 17C).

1.4 Đánh giá tình hình thực hiện chính sách và giải pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2011-2015

- Việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước có liên quan đến GDDT: BGH phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động giáo viên nhân viên thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào. Triển khai, công khai các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước. Xây dựng kế hoạch thực theo yêu cầu...
- Việc thực hiện công khai, dân chủ trong nhà trường: Đảm bảo khách quan, trung thực về thực hiện "3 công khai" tại trường.
- Phát huy tính dân chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc quản lý nguồn và đảm bảo chất lượng giáo dục.
- Việc công khai đảm bảo các nội dung như: Chất lượng giáo dục, đội ngũ, cơ sở vật chất.
- Có thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá qua đó hoàn thiện đề nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Về công tác tổ chức các hoạt động dạy và học, thực hiện quy chế chuyên môn: Trong các năm học có hướng dẫn các nguồn tư liệu giúp cho giáo viên trong công tác giảng dạy. Triển khai một số văn bản cũng như qui định liên quan đến chuyên

môn cho toàn thể giáo viên. Khuyến khích giáo viên áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học, một số môn sử dụng vào việc biên soạn – trộn đề kiểm tra.

Đối với giáo viên:

Mỗi giáo viên luôn đổi mới về phương pháp dạy học, việc đổi mới chủ yếu tập trung vào việc tìm ra các phương pháp để nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt giúp các học sinh yếu kém vươn lên trong học tập. Thực hiện xây dựng ma trận cho tất cả các môn học ở bài kiểm tra định kì.

Đối với tổ chuyên môn:

Tổ chức sinh hoạt chuyên đề của tổ về việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Ngoài ra trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn còn thực hiện các chuyên đề khác như ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy hiệu quả. Thực hiện sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Cải tiến phương pháp quản lý học sinh của giáo viên chủ nhiệm, nâng cao vai trò quản lý của tổ trưởng chuyên môn

Đối với giáo viên bộ môn:

Luôn có tinh thần trách nhiệm trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua các hoạt động: Thường xuyên cập nhật thông tin, chia sẻ trao đổi kinh nghiệm giảng dạy với đồng nghiệp. Dự giờ để góp ý và học hỏi kinh nghiệm giảng dạy. Tích cực ứng dụng CNTT vào các bài giảng, tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm cải tiến phương pháp dạy học, nghiên cứu và tích hợp chuẩn kiến thức vào bài dạy cho phù hợp. Thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học trong các tiết dạy. Thực hiện xây dựng ma trận cho tất cả bài kiểm tra định kì ở các môn học.

Việc kiểm tra, đánh giá được nhà trường chú trọng thông qua các nội dung: đề kiểm tra phải có ma trận đề (kể cả 15 phút), đánh giá học sinh đúng thực chất. Việc ứng dụng CNTT vào trong quản lý và giảng dạy được nhà trường quan tâm và chỉ đạo sát sao. Đến nay tất cả giáo viên trong trường đều có thể sử dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho các bài giảng. Cán bộ, giáo viên, nhân viên đều sử dụng thành thạo internet, mail để gửi và nhận thông tin, ...

- Về đổi mới công tác quản lý, đổi mới tư duy trong tổ chức các hoạt động GDDT: Tích cực ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học; tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát huy tính tích cực của mỗi thành viên trong nhà trường...

- Về công tác quản lý tài chính, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ: Quản lý tài sản, tài chính đảm bảo theo đúng hướng dẫn. Thanh toán đầy đủ các khoản lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách của ngành của địa phương cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1.5 Đánh giá về việc tổ chức, phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2011 – 2015

- Công tác quản lý chỉ đạo kế hoạch:

- + Luôn xây dựng kế hoạch cho các hoạt động của nhà trường.
- + Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho các cá nhân, tổ chức trong nhà trường.
- + Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Công tác chỉ đạo chuyên môn: Làm tốt công tác chỉ đạo chuyên môn. Trong các hoạt động chuyên môn đều có xây dựng kế hoạch, nhận xét đánh giá các hoạt động. Quản lý hồ sơ chuyên môn theo qui định.

- Công tác tham mưu: Tham mưu tốt với địa phương, UBND huyện, Sở GD&ĐT tu sửa cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị dạy học cho nhà trường.

- Công tác thi đua: Trong mỗi năm học Hiệu trưởng đều ra quyết định thành lập ban thi đua khen thưởng của nhà trường, có giao ước và qui chế thi đua. Phôi hợp với công đoàn để thực hiện thi đua một cách công bằng, khách quan, kịp thời.
- Công tác xã hội hóa giáo dục: Luôn cố gắng làm cho mọi tổ chức, cá nhân, các gia đình chăm lo đến sự nghiệp phát triển giáo dục của trường. Thường xuyên kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh quản lí và giáo dục đạo đức, học tập cũng như các hoạt động khác cho các em.
- 2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất thiết bị trường học và đầu tư công khai giải thưởng 2011 – 2015
- 2.1 **Tình hình cơ sở vật chất 5 năm học qua:**
 Đáp ứng tương đối đầy đủ cho công tác giảng dạy của nhà trường. Tuy nhiên, nhà đa năng và khu thể thao chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học và tập luyện của học sinh. Một số trang thiết bị của các phòng chức năng còn hay hư hỏng trong khi sử dụng, số đầu sách trong thư viện còn ít...
- 2.2 **Kế hoạch đầu tư phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2011-2015 đã đạt được**
 - Việc đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công: Đã thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra như: Thực hiện đầu tư trang thiết bị dạy học, sửa chữa dạy phòng học phía sau; sửa chữa cơ sở vật chất hàng năm...
 - Việc đầu tư từ nguồn xã hội hóa: Nguồn xã hội hóa giáo dục chủ yếu dành cho các hoạt động của học sinh như: Hội thao cấp trường, thi học sinh giỏi các cấp, khen thưởng học sinh, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn...
- III. **Kế hoạch phát triển giáo dục – đào tạo, cơ sở vật chất thiết bị trường học và đầu tư công khai giải thưởng 2016-2020.**
- 1. **Quan điểm xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020**
 - Luôn coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, nhà nước và toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
 - Căn cứ nghị quyết 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của ban chấp hành trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.
 - Quan triệt chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU về thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế và kế hoạch số 3641/KH_UBND Bình Dương về
- 2. **Cần cứ xây dựng kế hoạch**
 - Các nghị quyết của Đảng, quốc hội, quyết định, chỉ tiêu của thu tương chính phủ về giáo dục và đào tạo.
 - Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8. Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
 - Nghị quyết 44/NQ-TW ngày 09/06/2014 của chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của chính phủ, và quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 27/05/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW
- Chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU và Kế hoạch số 3641/KH-UBND ngày 23/10/2014 về việc thực hiện chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU ngày

3/4/2014 của tỉnh ủy Bình Dương về việc thực hiện chương trình hành động số 81-CTHD/TU ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy Bình Dương.

3. Các nội dung chủ yếu của kế hoạch giai đoạn 2016-2020

3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục. Là mô hình giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

3.2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể

- Về quy mô phát triển hàng năm (số lớp, học sinh...): Hàng năm tuyển thêm 6 lớp 10 và duy trì số lớp học từ 15 đến 18 lớp/năm. Số học sinh: khoảng 600 em.

- Về chất lượng giáo dục toàn diện (học lực, hạnh kiểm, tỷ lệ % học sinh lên lớp thẳng, học sinh giỏi tỉnh, quốc gia, đã tốt nghiệp vào đại học công lập hàng năm...):

+ Hạnh kiểm của học sinh: Loại tốt: 80% - Khá: 15% - TB: 5% - phần đầu không có học sinh hạnh kiểm yếu.

+ Học lực của học sinh: Phần đầu: Tỷ lệ HS giỏi \geq 8%. Tỷ lệ HS tiên tiến \geq 35%. Tỷ lệ HS trung bình \geq 50%. Học sinh yếu kém không quá 10%.

+ Học sinh tốt nghiệp khối 12: Duy trì đạt từ 90% trở lên.

+ HS 12 thi đỗ vào các trường Đại học, Cao Đẳng: ĐH: 40%, CĐ 15%.

+ Tham gia đầy đủ các kỳ thi học sinh giỏi do Sở Giáo dục tổ chức và đạt giải cấp tỉnh: Phần đầu hàng năm có học sinh giỏi ở tất cả các môn, đặc biệt là ở các môn tự nhiên. Có học sinh tham gia học sinh giỏi quốc gia.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên:

+ CBQL, GV được đánh giá khá, giỏi về năng lực chuyên môn (tỷ lệ%): 100%

+ CBQL, GV đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn (tỷ lệ %): 15% trở lên.

+ CBQL, GV đạt trình độ tin học, ngoại ngữ và ứng dụng CNTT, ngoại ngữ trong giảng dạy, công tác: 100%.

+ Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh hàng năm (số lượng/ tổng số): 1/36 GV.

+ Hiệu quả giáo dục đào tạo (tỷ lệ %): Bằng mức trung bình của tỉnh.

3.3. Về lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020

- Kế hoạch sửa chữa nâng cấp, trang thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn và trên chuẩn: Từng bước tham mưu với địa phương và với các cấp quản lý giáo dục xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Có kế hoạch bảo quản, tu sửa kịp thời, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng mất mát-hư hỏng-thất thoát, bên cạnh đó chống lãng phí trong quản lý và sử dụng tài sản công. Sửa chữa khu nhà đa năng; xây dựng nhà ăn cho học sinh; nâng cấp các phòng bộ môn; tham mưu cấp trên bố trí quỹ đất làm sân thể thao cho học sinh.

- Kế hoạch trang bị nâng cấp theo hướng ngày càng hiện đại các phòng tin học, thí nghiệm thực hành, chức năng: Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để tính toán nhu cầu mua sắm bổ sung hoặc thay thế trang thiết bị dạy học ở trường đặc biệt trong phòng thực hành-thí nghiệm, phòng tin học, phòng Lab...

- Kế hoạch xây dựng môi trường sư phạm xanh – sạch đẹp: Tiếp tục tham mưu với các cấp chính quyền để phát triển, sửa chữa trường học- nhà đa năng, tham mưu bố trí quỹ đất cho trường làm sân thể thao cho học sinh có khu vui chơi, tập luyện. Trồng thêm cây xanh và tạo nhiều sân chơi bổ ích cho học sinh...

Chỉ tiêu phần đầu:

- 100% lớp học được đầu tư trang thiết bị đầy đủ cho giảng dạy và thực hiện bán trú cho học sinh.
- 100% phòng bộ môn được cung cấp, bổ sung trang thiết bị.
- Thư viện đạt chuẩn về diện tích phòng đọc; đảm bảo sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho học sinh và giáo viên.
- Sửa chữa nhà đa năng, có thêm quỹ đất xây dựng khu thể thao cho học sinh.

3.4. Công tác xã hội hóa giáo dục

- Về huy động nguồn kinh phí hỗ trợ giáo dục: Thực hiện theo hướng dẫn của cấp trên.
- Phối hợp với Hội CMHS, các ban ngành đoàn thể trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh.
- Việc chăm lo học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hoàn cảnh đặc biệt được miễn giảm hoặc hỗ trợ kinh phí học tập.

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

4.1 Giải pháp tuyên truyền, vận động (thực hiện, chủ trương, nghị quyết...):

- + Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của lãnh đạo, tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường, các tổ chức xã hội và phụ huynh chăm lo cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của nhà trường.
- + Công khai các chủ trương, chính sách... của cấp trên liên quan đến giáo dục.

+ Tuyên truyền, làm tốt các phong trào, các cuộc vận động đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện chủ trương, nghị quyết, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước, của HĐND tỉnh Bình Dương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương.

4.2 Các giải pháp công tác tham mưu (đầu tư phát triển GDĐT...):

+ Về cơ sở vật chất: Có kế hoạch đề xin kinh phí từ cấp trên, các tổ chức, cá nhân quan tâm đến sự phát triển giáo dục của nhà trường. Lập kế hoạch xây dựng đầy đủ các phòng thực hành bộ môn, phòng thí nghiệm, sửa chữa nhà đa năng ...

+ Về phát triển đội ngũ: Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng theo từng năm và giai đoạn để tham mưu với các cấp cho và hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4.3 Các giải pháp về công tác quản lý, chỉ đạo (tổ chức, chuyên môn, tài chính...):

+ **Đối với công tác tổ chức:** Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ, đồng bộ, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ như:

Xây dựng Ban giám hiệu có đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất chính trị

Không ngừng học tập và tự học tập để bổ sung, nâng cao kiến thức về công tác quản lý, đổi mới tư duy quản lý.

Tăng cường thực hiện và thực hiện có hiệu quả các chức năng quản lý trong các công tác: quản lý người dạy, quản lý người học, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính.

Xây dựng đội ngũ giáo viên, công nhân viên đủ về số lượng, có chất lượng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu, có đầy đủ phẩm chất cần thiết của một giáo viên.

Đảm bảo đủ giáo viên tham gia giảng dạy, không có tình trạng tiết học trống do Gv nghỉ đột xuất. Có chính sách đãi ngộ cho giáo viên, làm cho giáo viên gắn bó với trường. Tránh tình trạng giáo viên sau nhiều năm công tác đã có kinh nghiệm xin chuyển chuyên công tác. Thực hiện chính sách “địa phương hóa” giáo viên.

Nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất chính trị.

Nâng cao nhận thức của đội ngũ giáo viên, để mỗi giáo viên thấy được tầm quan trọng và có trách nhiệm hơn trong công việc của mình. Họp giao ban đầu tuần và tham gia sinh hoạt chuyên môn định kì phổ biến và nhắc nhở giáo viên.

Tăng cường công tác bồi dưỡng giáo viên về phẩm chất và trình độ chuyên môn. Có kế hoạch lựa chọn và khuyến khích giáo viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng sư phạm.

+ **Đối với công tác quản lí, chỉ đạo chuyên môn:** *Xác định công tác chuyên môn là khâu quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo tại đơn vị. Thực hiện một số giải pháp như:*

Hàng năm có xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn và triển khai rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn.

Đổi mới công tác quản lí, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và giảng dạy.

Làm tốt công tác kiểm tra, theo dõi chặt chẽ các hoạt động chuyên môn đặc biệt là các giờ dạy trên lớp.

Nâng cao hiệu quả sinh hoạt của tổ chuyên môn như: Quy định chế độ, hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn. BGH trực tiếp tham gia các buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ để nắm tình hình để chỉ đạo chuyên môn một cách kịp thời.

Chấn chỉnh dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường (nếu có).

4.4 Các giải pháp về công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp trong GDDT:

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính quyền địa phương

+ Thường xuyên trao đổi và nắm bắt kế hoạch, yêu cầu của cấp trên (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương), chính sách phát triển kinh tế của huyện, xã.

+ Xây dựng quy chế phối hợp, quy định nội dung, cách thức phối hợp

+ Tổ chức các buổi hội nghị, họp với các tổ chức chính quyền địa phương, trao đổi lấy ý kiến và thống nhất về phương hướng phối hợp với nhau trong công tác giáo dục học sinh của nhà trường.

+ Tôn vinh các tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực vào sự phát triển của nhà trường.

Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh tham gia giáo dục học sinh.

+ Thường xuyên tổ chức gặp gỡ giữa BGH và Ban đại diện cha mẹ học sinh để thống nhất cách thức giáo dục học sinh.

+ Thực hiện có hiệu quả theo định kì các buổi họp phụ huynh học sinh.

+ Chỉ đạo GVCN thường xuyên phối hợp, liên lạc với gia đình học sinh.

+ Huy động được sự đầu tư của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tổ chức thực hiện

- Phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của nhà trường giai đoạn 2016-2020.

- Hiệu trưởng có trách nhiệm tham mưu với Sở GD&ĐT Bình Dương, UBND huyện Phú Giáo để thực hiện thành công nhiệm vụ trong giai đoạn 2016-2020.

- Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức, xây dựng các kế hoạch cho từng hoạt động của nhà trường, có kiểm tra, đánh giá để khắc phục những hạn chế và phát huy những mặt mạnh nhằm xây dựng tập thể nhà trường phát triển bền vững.

- Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, bộ phận trong nhà trường thực hiện kế hoạch theo năm, theo giai đoạn. Phân công công việc đúng chuyên môn, phù hợp với năng lực và điều kiện cụ thể của từng cá nhân, có điều chỉnh khi cần thiết.

Trên đây là kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của trường THPT Nguyễn Huệ giai đoạn 2016-2020. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc sẽ điều chỉnh, bổ sung hoặc báo cáo cấp trên để hoàn thành kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Bình Dương;
- BGH; TTCM; CĐCS; ĐTN; TTrND;
- Công bố bản tin, Website trường;
- Lưu VT.



PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

